

Bản án số: 509/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 11-7-2019  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Minh Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Bà Phan Thị Bé

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ tạm trú: đường N, phường P, Quận A, Thành phố H

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1982

Địa chỉ tạm trú: đường N, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và Ông Nguyễn Ngọc C có thời gian tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nay Bà T yêu cầu ly hôn với Ông C với lý do Ông C không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, xúc phạm đánh đập Bà T nhiều lần, vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Về con chung: Vợ chồng Bà T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T1 sinh 2009. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là Ông Nguyễn Ngọc C dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Ông C. Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc T1 sinh 2009 và không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

+ Về giải quyết nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao con chung tên Nguyễn Ngọc T1 sinh 2009 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận Bà T không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T yêu cầu ly hôn với Ông C, nên đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và bị đơn Ông Nguyễn Ngọc C có đăng ký tạm trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là Ông Nguyễn Ngọc C dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

#### **2. Về nội dung:**

##### **[1] Về quan hệ hôn nhân:**

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh N cấp cho Ông Nguyễn Ngọc C và Bà Nguyễn Thị T, thì quan hệ hôn nhân giữa Bà T và Ông C là hợp pháp.

Bà T yêu cầu ly hôn với Ông C với lý do Ông C không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, xúc phạm đánh đập Bà T nhiều lần và hiện nay vợ chồng Bà T và Ông C không còn tình cảm với nhau.

Ông C không đến Tòa án nhân dân Quận 9 để tham gia tố tụng, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của Bà T.

Theo Công văn số 391/UB ngày 16/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu, Quận 9 trả lời xác minh có nội dung: “Quá trình chung sống giữa Bà Nguyễn Thị T và Ông Nguyễn Ngọc C có phát sinh mâu thuẫn hay mâu thuẫn như thế nào, có trầm trọng hay không thì Bà T và Ông C không nhờ khu phố, tổ dân phố, Công an và Ủy ban nhân dân phường can thiệp. Hiện nay, Bà T và Ông C còn chung sống hay ly thân thì Ủy ban nhân dân phường không nắm rõ”.

Phòng Lao động - Thương binh Xã hội Quận 9 cũng có văn bản trả lời là không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa Bà T và Ông C.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng Bà T và Ông C không còn chung sống với nhau và không còn tình cảm với nhau, không còn sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Bà T yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với Ông C là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh N cấp và lời khai của Bà T có căn cứ xác định Bà T và Ông C có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc T1 sinh 2009.

Xét con chung tên Nguyễn Ngọc T1 sinh 2009 đang ở với Bà T và cháu Thắng cũng có nguyện vọng được ở với Bà T.

Ông C không có ý kiến gì đối với yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của Bà T.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc T1 sinh 2009 của Bà T. Ghi nhận Bà T không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc C.

Giấy chứng nhận kết hôn số do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh N cấp cho Ông Nguyễn Ngọc C và Bà Nguyễn Thị T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc T1 sinh 2009. Ông Nguyễn Ngọc C không cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đòi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không có

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, Bà Nguyễn Thị T chịu nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009551 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- UBND TT B, H. B, T. A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Minh Hiếu**

**Trần Đăng Vạn    Phan Thị Bé**

**Lương Minh Hiếu**









